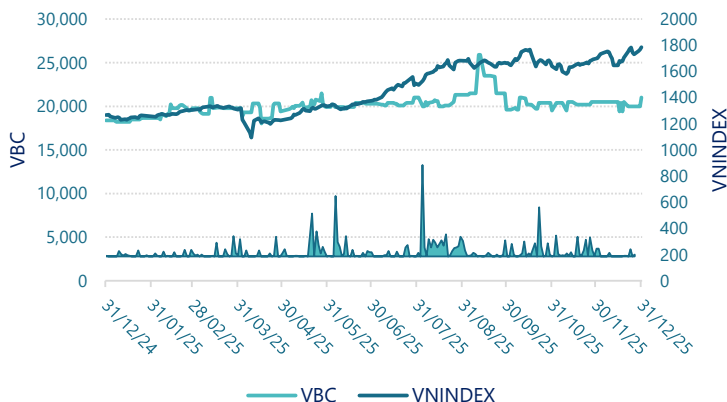




CTCP Nhựa - Bao bì Vinh (HNX: VBC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	21,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	25,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	18,025
SL cổ phiếu LH	7,499,960
KLGD BQ 20 phiên (CP)	170
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	157
P/E	5.6
EPS	3,740

DT thuần

Q4/25

226

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 26.0 | 13.2%

YoY: ▼ 6.00 | -2.4%

LN sau thuế

Q4/25

6.85

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.34 | 5.2%

YoY: ▲ 0.03 | 0.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

4.7%

+/- YoY: ▼ 0.1%

DT thuần

2025

844

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 22.0 | 2.7%

LN sau thuế

2025

28.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.10 | 0.5%

ROE

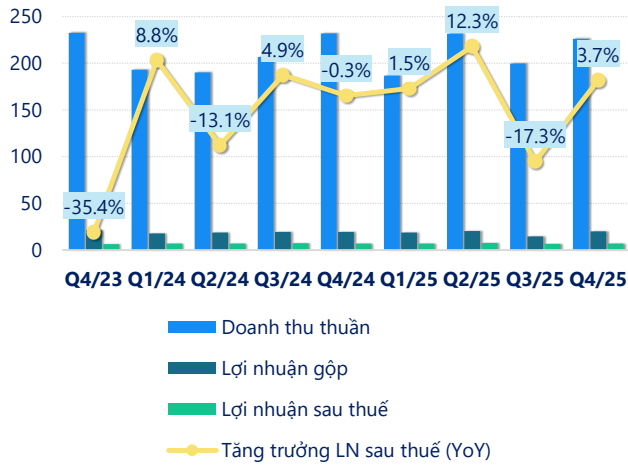
2025

16.4%

+/- YoY: ▼ 0.8%

tỷ VNĐ

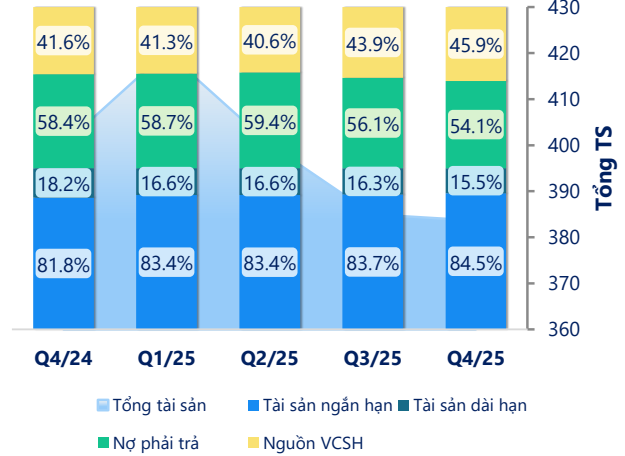
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

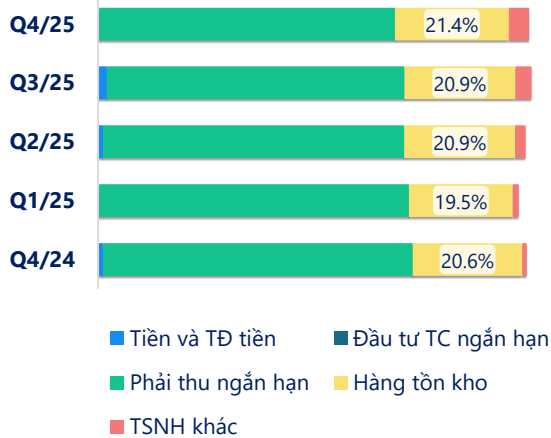
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



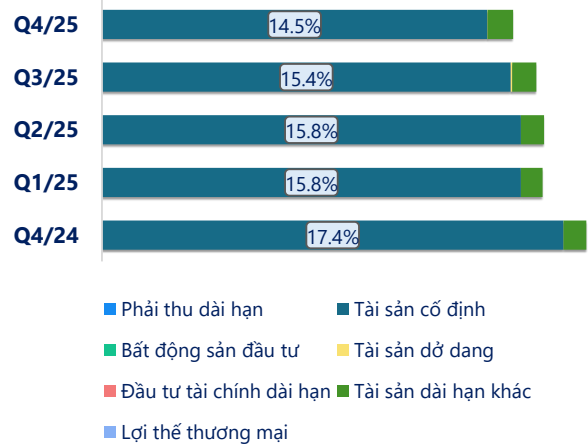
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

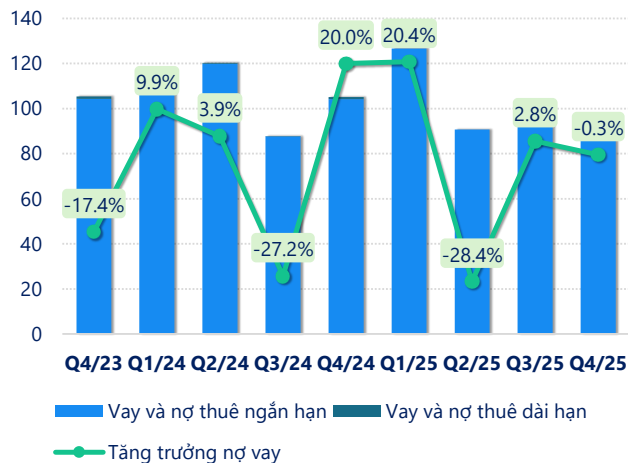
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

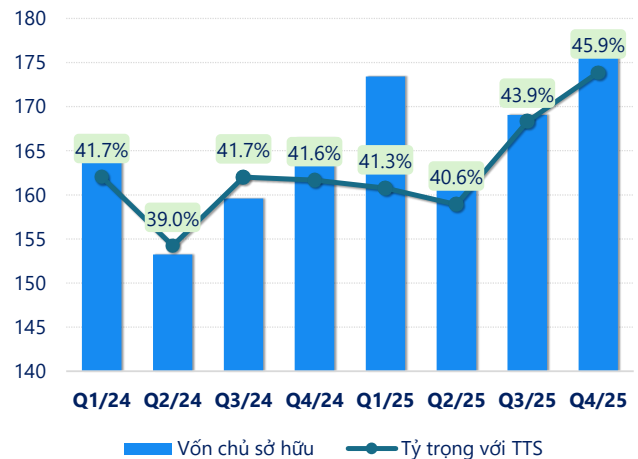
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

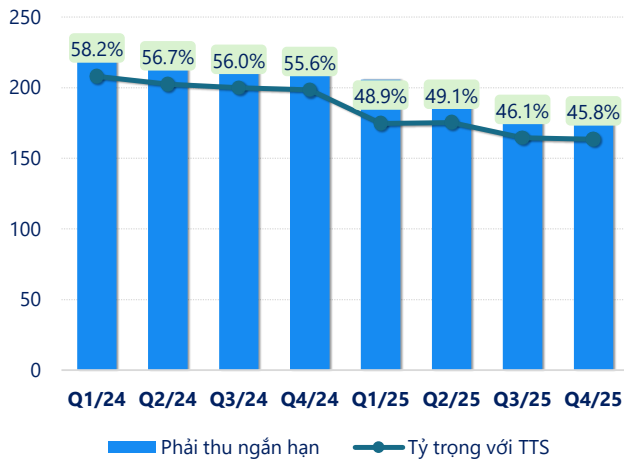
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



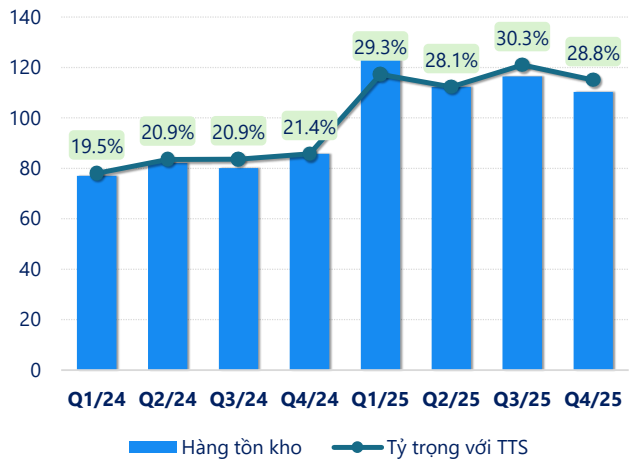
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


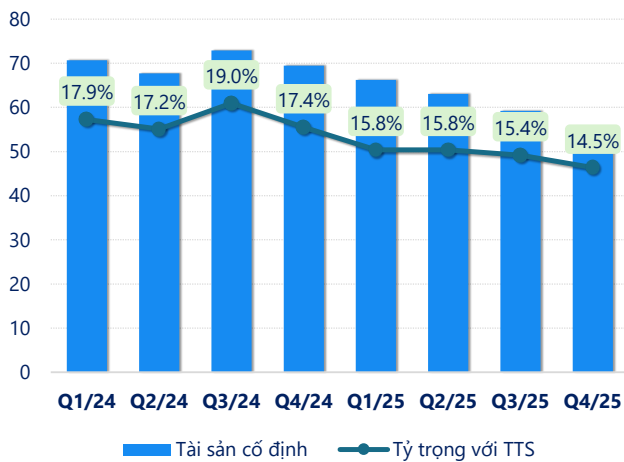
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


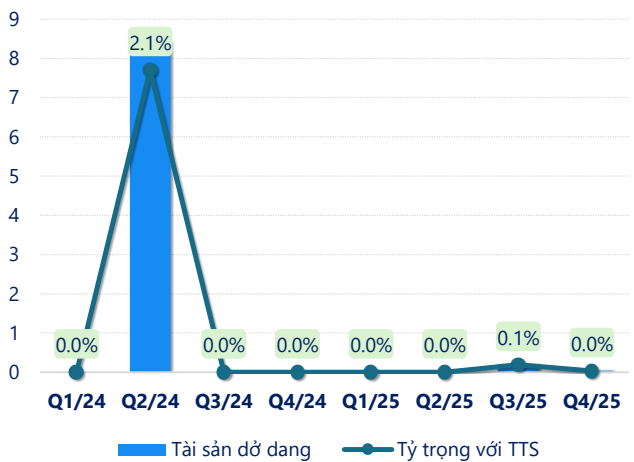
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

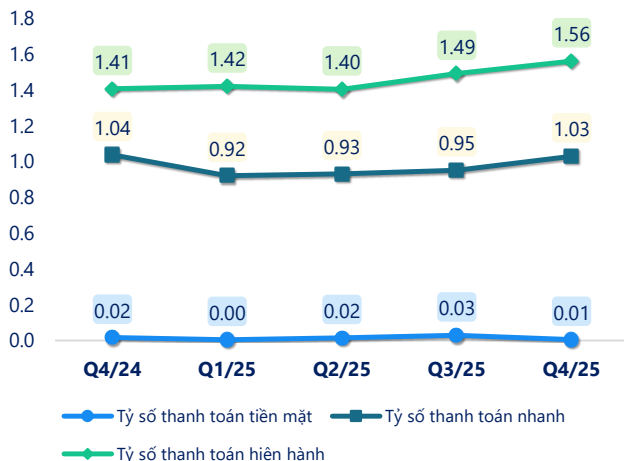
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

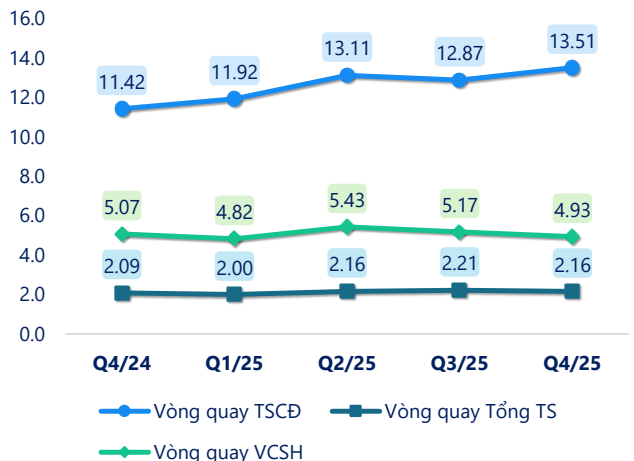
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	400	420	400	385	384
Tài sản ngắn hạn	327	351	334	322	324
Tiền và tương đương tiền	3.82	1.03	3.61	6.25	1.04
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	34.5
Phải thu ngắn hạn	222	206	196	177	176
Hàng tồn kho	85.8	123	112	116	110
Tài sản ngắn hạn khác	15.3	20.8	21.3	22.0	2.81
Tài sản dài hạn	72.9	69.7	66.5	62.9	59.3
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	69.4	66.2	63.0	59.2	55.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0.21	0.04
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3.44	3.46	3.51	3.52	3.70
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	234	247	238	216	208
Nợ ngắn hạn	233	247	238	216	208
Vay và nợ thuê ngắn hạn	104	127	90.7	93.2	93.0
Phải trả người bán ngắn hạn	93.0	98.7	109	82.9	73.4
Nợ dài hạn	1.04	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	1.04	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	166	173	163	169	176
Vốn chủ sở hữu	166	173	163	169	176
Vốn điều lệ	75.0	75.0	75.0	75.0	75.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)